

Số: 01 /2016/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn,

Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

Điều 1. Các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác (quy định tại Khoản 2 Điều 2 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP)

Các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác gồm: Khiêu vũ nghệ thuật; Trình diễn trong nghệ thuật sắp đặt; Nghệ thuật trình diễn đường phố.

Điều 2. Thông báo về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu (quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Đối tượng tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ thông báo đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao nơi tổ chức hoạt động. Hồ sơ gồm:

a) 01 văn bản thông báo (Mẫu số 01);

b) Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (nộp bản sao chứng thực hoặc mang bản gốc giấy phép để đối chiếu);

c) Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại các Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 13 và Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung tại Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP).

2. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao trả lời bằng văn bản cho đối tượng thông báo (Mẫu số 02) và chỉ được quyền từ chối trong các trường hợp có quốc tang; thiên tai; dịch bệnh hoặc tình hình an ninh, chính trị ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Điều 3. Hành vi người biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; người đạt danh hiệu tại cuộc thi người đẹp, người mẫu không được thực hiện, phổ biến, lưu hành (quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Các hành vi người biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; người đạt danh hiệu tại cuộc thi người đẹp, người mẫu không được thực hiện gồm:

a) Chụp ảnh, ghi hình hình ảnh cá nhân không có trang phục hoặc sử dụng trang phục, hóa trang phản cảm và vô ý hoặc cố ý phổ biến, lưu hành trên mạng

b) Chụp ảnh, ghi âm, ghi hình hình ảnh tập thể, cá nhân thể hiện các tiết mục biểu diễn có nội dung vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và vô ý hoặc cố ý phổ biến, lưu hành trên mạng viễn thông;

c) Có hành động, phát ngôn không phù hợp với giá trị, chuẩn mực đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hóa Việt Nam, vi phạm quy định của pháp luật và vô ý hoặc cố ý phổ biến trên phương tiện truyền thông hoặc ngoài xã hội gây hậu quả xấu.

2. Hội đồng thẩm định thành lập theo quy định tại Thông tư số 15/2013/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chịu trách nhiệm kết luận, đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi do người biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; người đạt danh hiệu tại cuộc thi người đẹp, người mẫu thực hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép (quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

b) Tổ chức, cá nhân vi phạm một trong các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP và các Điểm a, b, c, g, h Khoản 2, các Điểm a, b Khoản 3, Khoản 5 Điều 7 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục:

a) Đoàn kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về văn hóa, thể thao và du lịch chịu trách nhiệm lập biên bản khi phát hiện giấy phép cấp không đúng thẩm quyền hoặc tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm và kiến nghị cơ quan cấp giấy phép quyết định thu hồi;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan lập biên bản gửi bản sao biên bản và văn bản kiến nghị thu hồi giấy phép đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép (Mẫu số 03);

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị thu hồi giấy phép, cơ quan cấp giấy phép xem xét, ban hành quyết định thu hồi và thông báo cho các tổ chức, cá nhân có liên quan biết (Mẫu số 04). Trường hợp không thu hồi giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 5. Tổ chức thi và liên hoan các loại hình nghệ thuật (quy định tại Điều 16 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP)

1. Thẩm quyền tổ chức:

Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch căn cứ đặc trưng của từng loại hình nghệ thuật, năng lực tổ chức, tính hiệu quả của mỗi cuộc thi, liên hoan giao cho Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc các Hội Văn học nghệ thuật chuyên ngành ở Trung ương (Hội Nghệ sỹ Sân khấu Việt Nam, Hội Nghệ sỹ Múa Việt Nam, Hội Nhạc sỹ Việt Nam) chịu trách nhiệm tổ chức.

2. Thời gian tổ chức:

a) Cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật gồm các loại hình: Tuồng, Chèo, Cải lương, Kịch nói, Dân ca kịch và nghệ thuật ca, múa, nhạc là 03 năm một lần;

b) Cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ cho các loại hình sân khấu và ca, múa, nhạc là 03 năm một lần;

c) Các cuộc liên hoan tổ chức xen kẽ trong khoảng thời gian giữa hai kỳ tổ chức các cuộc thi. Thời gian tổ chức liên hoan đối với từng loại hình nghệ thuật là 03 năm một lần;

d) Các cuộc thi, liên hoan quốc tế do Việt Nam đăng cai, thực hiện theo Đề án của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

3. Cơ cấu giải thưởng:

a) Giải thưởng cuộc thi dành cho các đơn vị nghệ thuật:

- Huy chương vàng, Huy chương bạc cho vở diễn, chương trình, tiết mục, nghệ sỹ biểu diễn;

- Giải xuất sắc nhất cho nhóm nghệ sỹ, tác giả, đạo diễn, họa sỹ, nhạc sỹ, biên đạo, chỉ huy dàn nhạc, thiết kế phục trang, thiết kế âm thanh, ánh sáng.

b) Giải thưởng cuộc thi dành cho nhóm nghệ sỹ, cá nhân nghệ sỹ biểu diễn: Huy chương vàng, Huy chương bạc;

c) Giải thưởng Liên hoan trong nước: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với nhóm nghệ sỹ hoặc cá nhân nghệ sỹ biểu diễn;

d) Giải thưởng các cuộc thi, liên hoan trong nước kèm theo tiền thưởng và Giấy chứng nhận. Mức tiền thưởng do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;

e) Giải thưởng Liên hoan quốc tế: Huy chương vàng, Huy chương bạc cho chương trình, tiết mục gắn với đơn vị và nghệ sỹ biểu diễn, kèm theo Giấy chứng nhận và Cúp lưu niệm.

Điều 6. Thí sinh có vẻ đẹp tự nhiên (quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP)

Thí sinh có vẻ đẹp tự nhiên là thí sinh chưa thực hiện phẫu thuật thẩm mỹ.

Điều 7. Nội dung, hình thức Đề án tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau).

2. Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi.

3. Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi.

4. Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.

5. Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải.

6. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.

7. Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải.

a) Đối với thí sinh dự thi:

- Thực hiện đúng thể lệ, quy chế của cuộc thi người đẹp, người mẫu do đơn vị tổ chức quy định;

- Tham dự đầy đủ các phần thi theo quy định tại đề án tổ chức cuộc thi.

b) Đối với thí sinh đạt giải:

Trong thời gian tối đa 24 tháng, kể từ ngày đạt giải nhất trong cuộc thi người đẹp, người mẫu, phải thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện theo kế hoạch của Ban tổ chức cuộc thi đã được cơ quan cấp phép phê duyệt.

8. Danh sách Ban Tổ chức, Ban Giám khảo và Quy chế hoạt động.

9. Kinh phí tổ chức cuộc thi và có văn bản chứng minh nguồn tài chính tổ chức cuộc thi.

10. Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (Mẫu số 05).

Điều 8. Ban Giám khảo cuộc thi người đẹp, người mẫu (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Mỗi cuộc thi người đẹp, người mẫu chỉ thành lập 01 Ban Giám khảo.

2. Ban Giám khảo gồm các nhà chuyên môn trong các lĩnh vực: Nhân trắc học, mỹ học, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, nhiếp ảnh, xã hội học. Tùy theo tính chất của từng cuộc thi, Ban Tổ chức có thể mời thêm các nhà chuyên môn thuộc các lĩnh vực khác.

3. Cơ quan cấp phép, đơn vị tổ chức, nhà tài trợ không tham gia Ban Giám khảo.

Điều 9. Thủ tục đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Đối tượng tổ chức cuộc thi đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu gửi 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao. Hồ sơ gồm:

a) 01 đơn đề nghị (Mẫu số 06);

b) Đề án tổ chức cuộc thi;

c) 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Thời hạn trả lời:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm trình và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu (Mẫu số 07). Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Các trường hợp không cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu (quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện, thành phần theo quy định tại Khoản 12 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP.

2. Tổ chức đề nghị cấp giấy phép không chứng minh được năng lực, kinh nghiệm trong Đề án tổ chức cuộc thi.

3. Cuộc thi người đẹp, người mẫu không phù hợp quy định tại Khoản 4 và 5 Điều 2 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP.

Điều 11. Danh hiệu chính tại cuộc thi người đẹp, người mẫu (quy định tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

Danh hiệu chính là một trong ba danh hiệu trao cho thí sinh đạt điểm cao nhất, được tính từ cao xuống thấp.

Điều 12. Xử lý bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu (quy định tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP)

1. Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thanh lý hoặc tiêu hủy công khai bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu.

2. Hồ sơ thanh lý hoặc tiêu hủy gồm:

a) Quyết định thành lập Hội đồng thanh lý hoặc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu do Cục Nghệ thuật biểu diễn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Sở Văn hóa và Thể thao ban hành. Thành viên Hội đồng thanh lý gồm lãnh đạo cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này, đại diện phòng chuyên môn, phòng tài chính, văn phòng;

b) Biên bản thanh lý hoặc tiêu hủy bản ghi âm, ghi hình hết thời hạn lưu chiếu.

Điều 13. Ban hành kèm theo Thông tư

1. Mẫu số 01: Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu.
2. Mẫu số 02: Văn bản chấp thuận thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu.
3. Mẫu số 03: Văn bản kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép.
4. Mẫu số 04: Quyết định thu hồi giấy phép biểu diễn, tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.
5. Mẫu số 05: Đơn đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu.
6. Mẫu số 06: Đơn đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.
7. Mẫu số 07: Văn bản chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.
8. Mẫu số 08: Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.
9. Mẫu số 09a: Giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.
10. Mẫu số 09b: Giấy phép cho cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.
11. Mẫu số 10: Giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước hoặc quốc tế.
12. Mẫu số 11: Giấy phép cho tổ chức cử thí sinh tham dự cuộc thi người đẹp, người mẫu quốc tế.
13. Mẫu số 12: Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu.
14. Mẫu số 13: Giấy phép phổ biến tác phẩm sáng tác trước năm 1975 và tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác.
15. Mẫu số 14: Văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.
2. Bãi bỏ Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL ngày 28 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.
3. Bãi bỏ Điều 3 Thông tư số 19/2014/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 88/2008/TT-BVHTTDL, Thông tư số 17/2010/TT-BVHTTDL, Thông tư số 03/2013/TT-BVHTTDL.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Nghệ thuật biểu diễn, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân kiến nghị về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để nghiên cứu, chỉnh sửa./. 

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng CP;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc, các UB của Quốc hội;
- UBTUMTTQVN, Cơ quan TƯ các đoàn thể;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc CP;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT CP;
- Cục Kiểm tra VBQPPL Bộ TP;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ VHTTDL;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Sở VHTTDL, Sở VHNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo; Website Bộ VHTTDL;
- Lưu: VT, NTBD, MT(225).

